| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số:1569/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07-11-2019
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Đoàn Thị Trang

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Trần Văn Triều

Ông Hà Đức Kiền

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Không tham gia.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 499/2019/TLST-HNGĐ ngày 09/9/2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4850/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự;

*Nguyên đơn:* Bà Hà Thị Xuân H, sinh năm 1959

Địa chỉ: Đường M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

*Bị đơn:* Ông Ahmad Mustapha B. Md. H, sinh năm 1936

Quốc tịch: Ma-lay-xi-a (Malaysia)

Địa chỉ: Malaysia.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và Bản tự khai nguyên đơn bà Hà Thị Xuân H trình bày:

Bà và ông Ahmad Mustapha B. Md. H đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 620, quyển số 03 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 6 năm 1993. Sau khi kết hôn hai người chung sống hạnh phúc với nhau tại Việt Nam, sau một thời gian cuộc sống hôn nhân của hai người đã phát sinh nhiều bất đồng mâu thuẫn, nên cãi vã giữa hai người thường xuyên xảy ra. Đặc biệt trong phong tục, tập quán, tôn giáo và ngôn ngữ khác biệt nhau nên hai người gặp nhiều khó khăn trong giao tiếp và chia sẻ. Từ năm 2002 ông Ahmad Mustapha B. Md. H trở về Malaysia. Cả hai đã ly thân từ đó cho đến

nay. Nay do thời gian sống xa cách đã lâu, tình cảm giữa bà và ông Ahmad Mustapha B. Md. H không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu được ly hôn với ông ông Ahmad Mustapha B. Md. H.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Bà xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Tại Bản tự khai và Đơn xin vắng mặt bị đơn ông Ahmad Mustapha B. Md. H trình bày:

Ông đồng ý ly hôn với bà Hà Thị Xuân H vì hai bên sống xa cách, tình cảm không còn.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Ông xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Bà Hà Thị Xuân H và ông Ahmad Mustapha B. Md. H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông Hassan.

Về nội dung:

**[1]** Về quan hệ hôn nhân:

Bà Hà Thị Xuân H và ông Ahmad Mustapha B. Md. H đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 620, quyển số 03 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 6 năm 1993 nên là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của bà Hà Thị Xuân H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Ahmad Mustapha B. Md. H định cư ở Malaysia. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống xa cách cả hai không quan tâm và chăm sác lẫn nhau từ năm 2002 đến nay. Do vậy bà Hà Thị Xuân H xác nhận không còn tình cảm với ông Ahmad Mustapha B. Md. H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, về phía ông Ahmad Mustapha B. Md. H cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H. Điều này cho thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của bà Hà Thị Xuân H xin ly hôn ông Ahmad Mustapha B. Md. H là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[2]** Về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

**[3]** Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết; Hội đồng xét xử không xét.

**[4]** Về án phí: Bà Hà Thị Xuân H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 228, Điều 273, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

**Tuyên xử:**

**1.** Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Hà Thị Xuân H và ông Ahmad Mustapha B. Md. H.

**2.** Về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

**3.** Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết; Hội đồng xét xử không xét.

**4.** Về án phí sơ thẩm: Bà Hà Thị Xuân H chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2019/0024392 ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

**5.** Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục Thi hành án dân sự TPHCM;
- UBND TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Thị Trang**